BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số _____/QĐ-ĐHNL-ĐT ký ngày_____của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH13CC								
1	13118284	Lâm Văn	Thiệt	07/11/1995	Nam	2.52	Khá	
DH13NL								
1	13137106	Nguyễn Thanh	Phong	25/12/1994	Nam	2.40	Trung bình	
2	13137154	Nguyễn Văn	Trường	17/04/1995	Nam	2.08	Trung bình	
DH14CD								
1	14153050	Nguyễn Phú	Thịnh	09/10/1996	Nam	2.50	Khá	
DH15CD								
1	15153014	Nguyễn Phương	Duyệt	15/01/1997	Nam	2.51	Khá	
DH15CK								
1	15118012	Trần Thanh	Danh	26/12/1997	Nam	2.31	Trung bình	
DH15NL								
1	15137006	Phạm Văn	Chinh	02/02/1997	Nam	2.43	Trung bình	
DH15OT								
1	15154048	Nguyễn Phúc	Tâm	02/03/1997	Nam	3.13	Khá	
2	15154065	Nguyễn Anh	Tuấn	13/04/1997	Nam	2.47	Trung bình	
DH15TD								
1	15138041	Trương Đức	Minh	28/04/1997	Nam	2.40	Trung bình	
DH16CC								
1	16118061	Huỳnh Tấn	Hữu	22/05/1998	Nam	2.35	Trung bình	
2	16118143	Hà Văn	Thắng	16/08/1998	Nam	2.45	Trung bình	
3	16118159	Lê Văn	Tình	10/12/1998	Nam	3.03	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
37	19154197	Trần Thế	Vỹ	22/12/2001	Nam	2.71	Khá	
38	19154900	Nguyễn Huy	Toàn	02/03/2000	Nam	2.73	Khá	
DH19TD								
1	19138013	Võ Anh	Đức	16/03/2001	Nam	3.53	Giỏi	
2	19138026	Nguyễn Viết	Hưng	22/10/2001	Nam	2.81	Khá	
3	19138028	Nguyễn Văn	Huy	20/07/2001	Nam	2.69	Khá	
4	19138038	Bùi Đăng	Khoa	19/09/2001	Nam	2.74	Khá	
5	19138042	Nguyễn Cao	Kỳ	20/07/2001	Nam	2.91	Khá	
6	19138043	Lê Tiến	Lợi	21/02/2001	Nam	3.46	Giỏi	
7	19138050	Huỳnh Phạm Chánh	Nghĩa	02/03/2001	Nam	3.12	Khá	
8	19138059	Nguyễn Thành	Phẩm	04/01/2001	Nam	2.94	Khá	
9	19138066	Mai Văn	Quyến	01/02/2001	Nam	3.57	Giỏi	
10	19138067	Võ Thiện	Sang	04/11/2000	Nam	3.26	Giỏi	
11	19138070	Nguyễn Chí	Tâm	14/07/2001	Nam	3.03	Khá	
12	19138077	Dương Văn	Tiến	16/12/2001	Nam	2.97	Khá	
13	19138079	Cao Quốc	Tỉnh	05/04/2001	Nam	3.40	Giỏi	
14	19138082	Quách Xuân	Trà	31/03/2001	Nam	2.95	Khá	
15	19138088	Nguyễn Nhật	Trường	13/11/2001	Nam	2.79	Khá	
16	19138089	Đặng Minh	Tuấn	26/09/2001	Nam	3.26	Giỏi	
17	19138091	Trương Thế	Vinh	01/08/2001	Nam	2.95	Khá	
LT17OT								
1	17454009	Trần Qúi	Trọng	29/07/1996	Nam	2.60	Khá	
LT18OT								
1	18454002	Đặng Văn	Đạt	07/12/1994	Nam	2.70	Khá	
Chăn nuôi Thú Y								
BH17TY								
1	17612005	Viên Ngọc	Ngân	03/03/1987	Nữ	2.63	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	17612013	Lê Văn	Quang	05/07/1993	Nam	2.66	Khá	
DH13TYGL								
1	13112417	Phạm Đức Dương	Tịnh	19/09/1995	Nam	2.40	Trung bình	
DH14DY								
1	14112212	Nguyễn Bình Song	Nguyễn	16/12/1994	Nữ	2.84	Khá	
DH14TA								
1	14111099	Nguyễn Văn	Linh	27/10/1994	Nam	2.70	Khá	
DH14TYA								
1	14112210	Vũ Hoàng Thảo	Nguyên	01/02/1996	Nữ	2.47	Trung bình	
DH15CN								
1	15111060	Trần Đức	Huy	26/03/1997	Nam	2.63	Khá	
2	15111085	Huỳnh Thành	Nhân	22/05/1996	Nam	2.38	Trung bình	
3	15111128	Lê Tuấn	Tài	25/11/1997	Nam	2.56	Khá	
4	15111184	Đinh Văn	Vũ	27/10/1996	Nam	2.65	Khá	
DH15TA								
1	15111043	Nguyễn Phúc	Hậu	12/10/1997	Nam	2.55	Khá	
2	15111091	Nguyễn Trần Thanh	Nhi	15/09/1996	Nữ	2.89	Khá	
DH15TY								
1	15112075	Hồ Đại	Lợi	20/11/1997	Nam	2.59	Khá	
2	15112122	Phạm Hồng	Phương	30/09/1997	Nam	2.85	Khá	
3	15112197	Dương Thị Hồng	Yên	03/03/1997	Nữ	2.42	Trung bình	
DH15TYGL								
1	15112204	Lê Nguyễn Kỳ	Duyên	19/01/1996	Nữ	2.76	Khá	
2	15112234	Puih Đinh	Nghi	24/12/1997	Nam	2.54	Khá	
DH15TYNT								
1	15112287	Phạm Văn	Thành	03/08/1997	Nam	2.24	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	15112480	Nguyễn Thị	Xương	21/05/1997	Nữ	2.46	Trung bình	
DH16CN								
1	15111109	Nguyễn Hữu	Phú	24/05/1996	Nam	2.50	Khá	
2	16111253	Trần Ngọc	Tưởng	01/01/1998	Nam	2.54	Khá	
3	16111263	Ngô Hùng	Văn	22/10/1998	Nam	2.88	Khá	
4	16111909	Lê Hiếu	Nhân	01/01/1997	Nam	2.86	Khá	
DH16DY								
1	16112655	Châu Thị Hồng	Phấn	19/11/1998	Nữ	2.62	Khá	
2	16112727	Huỳnh Thị	Tiến	14/09/1998	Nữ	2.43	Trung bình	
DH16TA								
1	16111027	Hồ Trí	Đạt	22/12/1998	Nam	2.30	Trung bình	
2	16111110	Bùi Thị Bích	Ngọc	19/03/1997	Nữ	2.98	Khá	
DH16TY								
1	16112526	Bùi Ngọc Xuân	Hà	24/09/1996	Nữ	2.61	Khá	
2	16112620	Bùi Phương Hoài	Nam	06/07/1998	Nam	2.65	Khá	
3	16112699	Dương Thị Nguyệt	Thạch	09/04/1998	Nữ	2.86	Khá	
DH16TYGLA								
1	16112254	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	20/01/1998	Nữ	2.74	Khá	
2	16112275	Nguyễn Thị	Hiếu	09/05/1998	Nữ	2.65	Khá	
3	16112323	Huỳnh Hồ Diệu	Nhu	04/07/1998	Nữ	3.16	Khá	
4	16112391	Võ Nhật	Yên	26/06/1998	Nam	2.34	Trung bình	
5	16112797	Đỗ Văn	Hưng	27/09/1998	Nam	2.26	Trung bình	
DH16TYGLB								
1	16112243	Phạm Hồng	Công	18/02/1997	Nam	2.78	Khá	
2	16112257	Lê Đức	Duy	08/06/1998	Nam	2.48	Trung bình	
3	16112263	Trần Thị Thúy	Hằng	04/04/1998	Nữ	2.74	Khá	
4	16112268	Trần Công	Hậu	12/08/1998	Nam	2.53	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	16112270	Bùi Ngọc	Hiền	12/11/1997	Nam	2.32	Trung bình	
6	16112296	Hà Thị Mỹ	Liên	06/04/1998	Nữ	2.65	Khá	
7	16112357	Phạm Văn	Thông	18/03/1997	Nam	2.19	Trung bình	
8	16112381	Nguyễn Anh	Tuấn	24/04/1997	Nam	2.43	Trung bình	
9	16112818	Huỳnh Ngọc	Đủ	14/03/1998	Nam	2.23	Trung bình	
DH16TYNT								
1	16112402	Nguyễn Trung	Chí	31/05/1998	Nam	2.36	Trung bình	
2	16112406	Phạm Việt Đức	Cường	22/09/1998	Nam	2.45	Trung bình	
3	16112423	Đào Tấn	Huy	25/02/1998	Nam	2.35	Trung bình	
4	16112447	Hồ Quyết	Thắng	21/01/1998	Nam	2.29	Trung bình	
DH17CN								
1	16125030	Nguyễn Chí	Cường	14/02/1998	Nam	2.62	Khá	
2	17111019	Thân Trọng	Đặng	10/04/1999	Nam	2.48	Trung bình	
3	17111053	Nguyễn Anh	Huy	25/01/1999	Nam	2.36	Trung bình	
4	17111061	Huỳnh Vĩnh	Khang	21/01/1999	Nam	2.88	Khá	
5	17111073	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	07/02/1999	Nữ	2.65	Khá	
6	17111119	Trần Minh	Quang	06/11/1999	Nam	2.75	Khá	
7	17111123	Nguyễn Phúc	Tâm	18/11/1999	Nam	3.17	Khá	
8	17111142	Trịnh Hồng	Thuận	01/08/1999	Nam	3.02	Khá	
9	17111159	Huỳnh Bá	Tùng	18/07/1999	Nam	2.64	Khá	
10	17111164	Trần Thị	Tuyết	19/03/1999	Nữ	3.08	Khá	
DH17DY								
1	17112041	Lê Hoàng	Giang	24/04/1999	Nam	2.60	Khá	
2	17112076	Đỗ Huỳnh Đức	Huy	16/09/1999	Nam	3.17	Khá	
3	17112160	Lê Hoài	Phương	15/06/1998	Nam	2.39	Trung bình	
4	17112164	Lê Anh	Quân	20/01/1999	Nam	2.59	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17TA								
1	17111047	Trần Tuấn	Huệ	26/04/1999	Nam	2.84	Khá	
DH17TT								
1	17112286	Đỗ Đình	Huy	08/01/1999	Nam	3.03	Khá	
DH17TY								
1	16112631	Trần Thảo	Ngân	02/04/1997	Nữ	2.68	Khá	
2	17112024	Đoàn Thị	Diệu	17/05/1999	Nữ	2.54	Khá	
3	17112038	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	01/04/1999	Nữ	2.83	Khá	
4	17112049	Huỳnh Ngọc	Hân	26/06/1998	Nữ	2.82	Khá	
5	17112053	Lê Thị Mỹ	Hạnh	23/12/1999	Nữ	3.27	Giỏi	
6	17112084	Dương Thoại	Huỳnh	15/06/1999	Nữ	2.91	Khá	
7	17112087	Phạm Hoàng	Khang	27/09/1999	Nam	3.16	Khá	
8	17112107	Lê Thành	Lộc	14/07/1999	Nam	3.09	Khá	
9	17112122	Đinh Trung	Nghĩa	13/11/1999	Nam	3.17	Khá	
10	17112158	Đặng Duy	Phương	06/08/1999	Nam	2.75	Khá	
11	17112166	Lê Nguyễn Minh	Quang	30/04/1999	Nam	2.67	Khá	
12	17112209	Cù Chí	Thuận	04/06/1999	Nam	3.06	Khá	
13	17112232	Đàm Văn	Trị	04/08/1999	Nam	2.53	Khá	
14	17112238	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	16/10/1999	Nữ	2.79	Khá	
15	17112289	Nguyễn Thị Ái	Linh	19/06/1999	Nữ	2.63	Khá	
16	17112932	Đỗ Duy	Tài	15/01/1997	Nam	2.38	Trung bình	
17	17164024	Khang Thị Khánh	Ly	15/07/1998	Nữ	2.43	Trung bình	
DH17TYGL								
1	17112309	Võ Thị Tô	Châu	07/03/1999	Nữ	2.09	Trung bình	
2	17112328	Phan Thu	Hiền	10/10/1999	Nữ	2.64	Khá	
3	17112335	Lê Thành	Long	20/09/1999	Nam	2.12	Trung bình	
4	17112356	Nguyễn Phan Thanh	Tâm	17/09/1999	Nữ	2.46	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	17112361	Phan Đặng Triều	Tiên	16/08/1999	Nữ	2.68	Khá	
6	17112365	Huỳnh Quang	Trúc	07/10/1999	Nam	2.27	Trung bình	
DH17TYNT								
1	17112379	Phan Phi	Ngư	09/11/1999	Nữ	3.01	Khá	
DH18CN								
1	18111017	Trần Lê Minh	Châu	12/07/2000	Nữ	2.75	Khá	
2	18111044	Thẩm Sĩ	Hùng	06/02/2000	Nam	2.60	Khá	
3	18111071	Nguyễn Xuân	Mai	01/01/2000	Nữ	2.93	Khá	
4	18111083	Lê Trung	Nghị	22/10/2000	Nam	2.70	Khá	
5	18111099	Nguyễn Phú	Quí	27/07/2000	Nam	2.50	Khá	
6	18111103	Phạm Nguyễn Ngọc	Sang	12/06/2000	Nam	2.70	Khá	
7	18111112	Nguyễn Quốc	Thái	09/10/2000	Nam	2.61	Khá	
8	18111133	Nguyễn Thị Thu	Trinh	10/03/2000	Nữ	2.64	Khá	
DH18DY								
1	18112034	Nguyễn Thị Bích	Diễm	18/03/2000	Nữ	3.09	Khá	
2	18112076	Phạm Thị Thu	Hương	26/02/2000	Nữ	3.23	Giỏi	
3	18112121	Trần Thị Thu	Nga	15/05/2000	Nữ	2.96	Khá	
4	18112155	Phạm Nhựt	Phán	18/01/2000	Nam	2.95	Khá	
5	18112208	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/2000	Nữ	2.60	Khá	
DH18TA								
1	18111013	Thái Xuân	Bình	30/06/2000	Nam	2.40	Trung bình	
2	18111018	Võ Ngọc Hoàng	Châu	13/01/2000	Nữ	2.36	Trung bình	
3	18111022	Vũ Tuấn	Đạt	18/09/2000	Nam	2.84	Khá	
4	18111025	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	19/07/2000	Nữ	2.62	Khá	
5	18111049	Nguyễn Quang	Huy	25/03/2000	Nam	2.68	Khá	
6	18111052	Võ Công	Huy	08/04/2000	Nam	2.69	Khá	
7	18111068	Nguyễn Hồ Tấn	Lượng	02/05/2000	Nam	2.53	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
8	18111086	Trần Duy	Nhất	03/03/2000	Nam	2.77	Khá	
9	18111115	Lê Văn	Thắng	19/08/2000	Nam	2.42	Trung bình	
10	18111120	Nguyễn Thị	Thảo	16/08/2000	Nữ	3.03	Khá	
11	18111145	Nguyễn Trương Diệu	Vy	15/04/2000	Nữ	2.78	Khá	
12	18125446	Nguyễn Thị Phương	Dung	15/06/2000	Nữ	2.66	Khá	
DH18TY								
1	18112025	Trần Công	Chính	21/12/2000	Nam	2.68	Khá	
2	18112027	Nguyễn Thành	Công	20/02/2000	Nam	3.29	Giỏi	
3	18112049	Võ Minh Mỹ	Duyên	01/03/2000	Nữ	3.05	Khá	
4	18112055	Phạm Ngọc	Hân	04/09/2000	Nữ	3.25	Giỏi	
5	18112057	Nguyễn Như	Hằng	01/02/2000	Nữ	2.96	Khá	
6	18112062	Bùi Minh	Hiếu	27/02/2000	Nam	2.94	Khá	
7	18112063	Trần Thanh	Hoa	17/12/2000	Nữ	2.67	Khá	
8	18112068	Huỳnh Ái	Huê	24/10/2000	Nữ	3.07	Khá	
9	18112070	Trần Triều	Hưng	20/01/1997	Nam	3.01	Khá	
10	18112074	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	21/01/2000	Nữ	2.60	Khá	
11	18112079	Bá Thanh	Huy	02/03/1998	Nam	2.50	Khá	
12	18112093	Trần Hoàng Tuấn	Kiệt	18/11/2000	Nam	3.07	Khá	
13	18112101	Tôn Thất	Lộc	13/03/2000	Nam	3.24	Giỏi	
14	18112102	Lê Văn	Lợi	20/12/2000	Nam	2.82	Khá	
15	18112108	Đỗ Duy	Lượng	19/01/2000	Nam	2.78	Khá	
16	18112116	Nguyễn Thế Hoàng	Minh	14/12/2000	Nam	2.74	Khá	
17	18112122	Ngô Ngọc	Ngân	23/05/2000	Nữ	2.95	Khá	
18	18112130	Nguyễn Văn	Nghĩa	04/04/2000	Nam	2.86	Khá	
19	18112133	Đặng Thị Thùy	Nguyên	22/02/2000	Nữ	2.72	Khá	
20	18112141	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	14/03/2000	Nữ	3.23	Giỏi	
21	18112152	Nguyễn Thị Phương	Oanh	10/06/2000	Nữ	2.73	Khá	
22	18112160	Nguyễn Thiên	Phúc	10/03/2000	Nam	2.55	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
23	18112180	Nguyễn Đại	Tài	24/06/1999	Nam	2.54	Khá	
24	18112193	Đỗ Phương	Thảo	13/05/2000	Nữ	2.98	Khá	
25	18112194	Lê Dương Phương	Thảo	22/12/2000	Nữ	3.32	Giỏi	
26	18112195	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/09/2000	Nữ	2.42	Trung bình	
27	18112210	Trần Lê Huỳnh	Thư	19/05/2000	Nữ	3.13	Khá	
28	18112221	Trình Minh	Toàn	28/02/2000	Nam	2.90	Khá	
29	18112226	Nguyễn Thị Kiều	Trang	18/09/2000	Nữ	2.46	Trung bình	
30	18112233	Lê Huỳnh Phương	Trúc	01/12/2000	Nữ	3.06	Khá	
31	18112252	Trần Phú	Vọng	01/04/2000	Nam	2.55	Khá	
32	18112346	K'	Gùin	20/12/1999	Nam	2.71	Khá	
33	18112364	Lương Thị	Thảo	21/02/1999	Nữ	2.76	Khá	
34	18112370	Zơ Lơng Nai	Uyên	03/06/1999	Nữ	2.66	Khá	
35	18112911	Võ Vân Hồng	Thắm	29/03/1999	Nữ	2.54	Khá	
36	18112935	Nguyễn Thanh	Tiến	29/03/1997	Nam	2.47	Trung bình	
DH18TYGL								
1	18112306	Nguyễn Thị Mỹ	Hiệu	16/09/2000	Nữ	3.09	Khá	
2	18112319	Lê Thị	Thu	31/05/2000	Nữ	3.20	Giỏi	
3	18112326	Trình Thị Thanh	Truyền	13/04/2000	Nữ	3.44	Giỏi	
DH19CN								
1	19111059	Lê Đăng	Khôi	27/01/2001	Nam	2.74	Khá	
2	19111100	Phạm Thành	Thắng	03/03/2000	Nam	2.93	Khá	
DH19TA								
1	19111025	Nguyễn Thị	Duyên	17/03/2000	Nữ	2.63	Khá	
2	19111071	Nguyễn Tiến	Mẫn	20/04/2001	Nam	2.74	Khá	
3	19111122	Châu Minh	Tiến	06/03/2001	Nam	2.73	Khá	
DH19TY								
1	19112904	Lê Thị Mỹ	Duyên	08/09/1998	Nữ	2.68	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	19112906	Nguyễn Văn	Lanh	06/02/1998	Nam	2.51	Khá	
3	19112926	Nguyễn Quốc	Duy	04/08/1999	Nam	2.79	Khá	
DH20TY								
1	20112904	Cao Minh Thùy	Giang	22/07/1998	Nữ	3.06	Khá	
Kinh tế								
DH14QTNT								
1	14122463	Huỳnh Ngọc Mỹ	Duyên	08/09/1996	Nữ	2.71	Khá	
DH15KE								
1	15123002	Lê Thị Hồng	Anh	12/10/1996	Nữ	2.78	Khá	
2	15123046	Trần Thị Bảo	Linh	18/01/1997	Nữ	2.59	Khá	
3	15123084	Nguyễn Thị Bích	Thảo	16/04/1997	Nữ	2.74	Khá	
DH15KEGL								
1	15123171	Triệu Lê Huyền	Thư	14/05/1997	Nữ	2.05	Trung bình	
DH15KM								
1	15120166	Nguyễn Thị	Thiêu	13/03/1997	Nữ	2.86	Khá	
DH15KT								
1	15120034	Trần Thị Thu	Hà	20/03/1997	Nữ	2.77	Khá	
DH15QT								
1	15122139	Lý Trần Đức	Nhân	04/10/1996	Nam	2.63	Khá	
DH15TM								
1	15122114	Nguyễn Thị Kim	Mến	01/09/1997	Nữ	2.89	Khá	
DH16KE								
1	16123076	Lê Thị Nữ	Hiệp	24/04/1998	Nữ	2.81	Khá	
2	16123184	Nguyễn Thị	Thanh	12/05/1998	Nữ	2.72	Khá	
3	16123202	Thái Thị Anh	Thư	22/09/1997	Nữ	3.05	Khá	